

► Phương pháp ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình nhằm thiết lập mức lương, bao gồm lương đủ sống





Giới thiệu

► Giới thiệu

Các thiết chế ấn định mức lương hiệu quả – cụ thể ở đây là lương tối thiểu và thương lượng tập thể – có thể giúp đảm bảo chia sẻ thành quả tiến bộ một cách công bằng và bình đẳng cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, thương lượng và xác định mức lương thỏa đáng là một công việc khó khăn, đòi hỏi cách tiếp cận dựa trên bằng chứng có tính đến nhu cầu của người lao động và gia đình họ, cũng như nhiều yếu tố kinh tế khác nhau. Cách tiếp cận này rất quan trọng để đảm bảo rằng công bằng xã hội song hành với các tiến bộ kinh tế - như được công nhận trong nhiều văn kiện của ILO như Công ước Ấn định Mức lương Tối thiểu năm 1970 (Công ước số 131) và Tuyên bố ba bên về các Nguyên tắc liên quan đến Doanh nghiệp đa quốc gia và Chính sách xã hội.

Trong những năm gần đây, chủ đề “mức lương đủ sống” ngày càng nhận được sự quan tâm to lớn. Nhận thấy cần có một thỏa thuận ba bên về vấn đề này, ILO đã tổ chức Cuộc họp Chuyên gia về Chính sách tiền lương (bao gồm mức lương đủ sống) vào tháng 2 năm 2024. Các chuyên gia đã đưa ra một số kết luận mà sau đó đã được Hội đồng Quản trị của ILO thông qua vào tháng 3 năm 2024. Các kết luận này làm rõ nhiều vấn đề xung quanh mức lương đủ sống, bao gồm khái niệm, các nguyên tắc ước tính, các nguyên tắc triển khai và một số hành động mà Văn phòng Lao động Quốc tế sẽ triển khai trong tương lai.

Theo các kết luận nói trên, ILO giới thiệu khái niệm mức lương đủ sống là:

- mức lương cần thiết để đảm bảo mức sống thỏa đáng cho người lao động và gia đình họ, có tính đến bối cảnh quốc gia và được tính cho công việc được thực hiện trong giờ làm việc bình thường;
- được tính toán theo các nguyên tắc ước tính mức lương đủ sống của ILO;
- mức lương đạt được thông qua một quá trình thiết lập có tuân theo các nguyên tắc của ILO về thiết lập mức lương.

Toàn văn kết luận được trình bày trong phần Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

Tài liệu này mô tả chi tiết phương pháp luận mà các chính phủ và đối tác xã hội có thể sử dụng để ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ, dù bối cảnh các quốc gia có khác nhau, cũng như để sử dụng trong đối thoại xã hội về tiền lương và mức lương đủ sống. Tài liệu kỹ thuật này cũng hướng dẫn cách thức sử dụng các cuộc điều tra thu nhập và chi tiêu hộ gia đình – vốn là loại hình điều tra phổ biến được cơ quan thống kê quốc gia của nhiều nước tiến hành thường xuyên – để ước tính các nhu cầu này thông qua cách tiếp cận đa chiều, có tính đến chi phí cho thực phẩm, nhà ở, y tế, giáo dục, và các nhu cầu thiết yếu khác.

Phương pháp luận này đã được xây dựng và thử nghiệm tại bốn quốc gia thí điểm, gồm Costa Rica (ILO 2021a), Ethiopia (ILO 2021b), Indonesia (ILO 2021c) và Việt Nam (ILO 2021d) trong khuôn khổ dự án hợp tác kỹ thuật do Bộ Ngoại giao Hà Lan tài trợ, với mục đích nâng cao năng lực cho chính phủ và các đối tác xã hội trong thương lượng và thiết lập mức lương thỏa đáng. Phương pháp luận đã được điều chỉnh cho phù hợp với các nguyên tắc của ILO về ước tính mức lương đủ sống, bao gồm: tính minh bạch, tính dễ tiếp cận đối với công chúng, sử dụng các phương pháp luận dựa trên bằng chứng và dữ liệu đáng tin cậy, cũng như xem xét bối cảnh khu vực và trong nước và thực trạng kinh tế, xã hội và văn hóa.

Để đảm bảo tính tự chủ của mỗi quốc gia, các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động cần được tham vấn về kết quả ước tính mức lương đủ sống và cần tham gia xuyên suốt quá trình thiết lập mức lương này. Do đó, phương pháp này đủ linh hoạt để có thể được điều chỉnh thông qua đối thoại xã hội ở cấp quốc gia, tùy thuộc vào nhu cầu và hoàn cảnh cụ thể của quốc gia.

Phương pháp này được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết hiện có và các phương pháp có sẵn.¹ Tuy nhiên, quá trình thiết kế cũng cho thấy cần phát triển một phương pháp luận không chỉ dễ dàng điều chỉnh theo bối cảnh cụ thể của quốc gia - qua đó giúp thúc đẩy tính tự chủ của quốc gia và đối thoại xã hội, mà còn có thể được áp dụng trong điều kiện hạn chế về thời gian và nguồn lực bằng cách sử dụng dữ liệu toàn diện đã được các cơ quan thống kê quốc gia thu thập.

Mặc dù phương pháp được trình bày trong tài liệu này có thể được sử dụng để ước tính mức lương cần thiết nhằm đảm bảo mức sống thỏa đáng cho người lao động và gia đình họ, quá trình áp dụng phương pháp vẫn còn một số điểm cần lưu ý và phương pháp cũng cần được cải thiện thêm. Những lưu ý này sẽ được nêu bật trong các phần tiếp theo của báo cáo. Hơn nữa, sẽ không có một phương pháp nào có thể nắm bắt được toàn bộ sự đa dạng và các nhu cầu khác biệt của từng hộ gia đình và từng người lao động. Ngoài ra, vì phương pháp này mới chỉ được thử nghiệm ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, tính phù hợp của phương pháp này với các quốc gia phát triển cần được đánh giá lại, và có thể cần điều chỉnh sao cho có thể áp dụng được ở các quốc gia phát triển.

Cuối cùng, phải nhắc lại rằng không chỉ nhu cầu của người lao động và gia đình họ, mà cả các yếu tố kinh tế có liên quan đều cần được xem xét khi triển khai mức lương đủ sống. Phương pháp hiện tại chỉ tập trung vào nhu cầu của người lao động cùng gia đình họ, nên phải được xem xét kết hợp với dữ liệu và thông tin về các yếu tố kinh tế có liên quan. Các nguyên nhân gốc rễ của mức lương thấp - chẳng hạn như phân phối giá trị không công bằng, năng suất nhân tố tổng hợp thấp, tính phi chính thức, thể chế và hệ thống tuân thủ yếu kém - cũng cần được xử lý trong quá trình triển khai mức lương đủ sống.

Tài liệu này được chia thành sáu chương. Chương 1 cung cấp tổng quan về khung khái niệm của phương pháp luận và các giả định cơ bản; Chương 2 tới Chương 5 giải thích chi tiết về cách ước tính chi phí để đảm bảo mức sống thỏa đáng cho từng hạng mục chi tiêu sau: thực phẩm, nhà ở, y tế và giáo dục, và các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác. Cuối cùng, Chương 6 giải thích cách tổng hợp kết quả trong Chương 2 - 5 để có được ước tính mức lương đủ sống từ những giả định được đưa ra liên quan đến quy mô gia đình và số người trưởng thành đi làm trong mỗi gia đình.

¹ Bao gồm phương pháp của Rowntree (1901), phương pháp ước tính chuẩn nghèo quốc gia của Ngân hàng Thế giới, cũng như ước tính mức lương đủ sống do Anker và Anker thực hiện (2017).

► 1. Tổng quan về phương pháp luận

Đầu tiên, Chương này sẽ trình bày tổng quan ngắn gọn về khung phương pháp được xây dựng để ước tính mức lương đủ sống. Phương pháp này sử dụng thu nhập hộ gia đình và khảo sát chi tiêu từ các cơ quan thống kê quốc gia để ước tính chi phí riêng trên bốn khía cạnh: thực phẩm đầy đủ, nhà ở tương thích, y tế và giáo dục, và các nhu cầu thiết yếu khác. Từng bước cụ thể để ước tính được bốn hạng mục chi tiêu này sẽ được trình bày trong Chương 2 đến Chương 5. Sau đó, các chi phí này được cộng lại với nhau để ước tính tổng nhu cầu cho quy mô của gia đình tham chiếu. Để làm được điều này, cần đưa ra quyết định gia đình tham chiếu có quy mô như thế nào sẽ được xem xét, cũng như quyết định có nên sử dụng thang đo tương đương người trưởng thành hay không. Cả hai nội dung này đều được thảo luận trong phần thứ hai của chương. Phần thứ ba của chương thảo luận về các giả định liên quan đến số người trưởng thành đang đi làm trong gia đình - được sử dụng để chuyển đổi tổng chi phí theo nhu cầu thành ước tính mức lương đủ sống. Phần thứ tư tập trung vào cỡ mẫu cần cân nhắc cho việc ước tính mức lương đủ sống. Phần cuối của Chương sẽ mô tả sự phù hợp của phương pháp luận với các nguyên tắc của ILO về ước tính mức lương đủ sống - như được nêu trong kết luận của Cuộc họp Chuyên gia về Chính sách tiền lương, bao gồm mức lương đủ sống (xem Phụ lục).

Cách tiếp cận đa chiều kết hợp các biện pháp tương đối và tuyệt đối

Phương pháp “cơ sở” – có thể được áp dụng và tùy biến theo bối cảnh cụ thể của từng quốc gia – đưa ra một khung đánh giá chung nhu cầu của người lao động và gia đình họ thông qua cách tiếp cận đa chiều nhằm ước tính riêng chi phí sinh hoạt cho bốn khía cạnh sau:

- (a) **Chi phí thực phẩm** – Một chế độ ăn uống có chi phí thấp, cung cấp đủ lượng Kcal, chất đạm và chất béo và có thành phần phù hợp với thể trạng người dân. Chế độ ăn này được đo lường mặc định dựa trên các tiêu chuẩn về Kcal và dinh dưỡng do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO) xác định.
- (b) **Chi phí nhà ở** – Chỗ ở cơ bản nhưng tương thích với tiêu chuẩn chấp nhận được. Theo khuyến nghị của Chương trình Định cư Con người của Liên Hợp Quốc (UN-Habitat), để xác định chỗ ở quy chuẩn như vậy, cần đo lường dựa trên các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về nhà ở, gồm các đặc điểm như không gian sống, độ bền, nhà vệ sinh và khả năng tiếp cận nguồn nước.
- (c) **Chi phí y tế và giáo dục** – Mức chi tiêu cơ bản cho y tế và giáo dục được coi là một nhóm riêng biệt. Không giống như nhu cầu về lương thực và nhà ở, chi phí cho nhu cầu y tế và giáo dục được ước tính bằng cách sử dụng phương pháp tương đối dựa trên sự phân bổ chi tiêu cho y tế và giáo dục trên toàn quốc.
- (d) **Chi phí hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác** – tất cả các khoản chi khác (ví dụ như quần áo và đi lại) được đưa vào một nhóm. Tương tự như với nhu cầu y tế và giáo dục, chi phí của các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác được ước tính bằng cách sử dụng phương pháp tương đối dựa trên sự phân bổ các khoản chi dành cho hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác trên toàn quốc.

Phương pháp này kết hợp kết quả đo lường tuyệt đối chi phí lương thực và nhà ở với kết quả đo lường tương đối chi phí y tế, giáo dục, hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác – một sự kết hợp phù hợp với triết lý của Công ước 131 của ILO (xem Hộp 1). Bằng cách kết hợp cách tiếp cận tương đối [relative] và quy chuẩn [normative], phương pháp này có ưu điểm là có tính đến cả thực trạng kinh tế - xã hội quốc gia và mức sống của các nhóm xã hội có thu nhập khác mức lương tối thiểu.

Hộp 1. Sự kết hợp của các biện pháp tuyệt đối và tương đối

Một điều rất quan trọng cần cân nhắc khi ước tính các khoản chi thuộc chi phí sinh hoạt cơ bản là, nên áp dụng biện pháp tuyệt đối (còn được gọi là biện pháp “quy chuẩn”) hay biện pháp tương đối. Các biện pháp tuyệt đối được xác định bằng cách sử dụng những tiêu chuẩn chuẩn mực, nghĩa là một giỏ hàng hóa và dịch vụ chuẩn mực, được coi là đại diện cho một tiêu chuẩn tối thiểu, được xác định theo số lượng cũng như chất lượng và sau đó được định giá theo giá mua hoặc giá thị trường để xác định chi phí. Ngược lại, các biện pháp tương đối sẽ lấy tham chiếu một tỷ lệ nào đó (ví dụ, 60%) trong thu nhập hoặc chi tiêu trung vị của hộ gia đình, nghĩa là giá trị của các biện pháp tương đối tăng lên khi phúc lợi trung vị tăng.

Rowntree (1901), người tiên phong trong việc tính toán chuẩn nghèo, đã phỏng vấn gần 20% dân số York, Vương quốc Anh và Bắc Ireland. Rowntree đã tính toán kỹ càng số tiền tối thiểu hàng tuần “cần thiết để các gia đình có thể đảm bảo những nhu cầu thiết yếu để duy trì cuộc sống khỏe mạnh”. Ông cố tình đưa số tiền này xuống mức thấp nhất theo khuyến nghị của các chuyên gia, để “không ai có thể lơ đãng và cho rằng số tiền đó nằm ở ranh giới khó phân định xem đó liệu có phải là nghèo đói thực sự hay không”. Những cá nhân và hộ gia đình có thu nhập dưới mức này được định nghĩa là nghèo. Đây được gọi là nghèo tuyệt đối.

Mặc dù phương pháp này được sử dụng để tính toán chuẩn nghèo, nhưng nó cũng được sử dụng ở một số quốc gia để xác định mức lương tối thiểu dù được áp dụng theo cách tương tự hoặc có điều chỉnh. Ví dụ, Indonesia đã áp dụng định nghĩa “kebutuhan hidup layak” [nhu cầu sống thỏa đáng], về nguyên tắc, cấu thành giỏ hàng hóa và dịch vụ phổ biến và chuẩn mực cho người lao động hưởng mức lương tối thiểu. Tại Việt Nam, Nghị quyết 27-NQ/TW 2018 yêu cầu rằng mức lương tối thiểu phải đảm bảo “mức sống tối thiểu” cho tất cả người lao động ở bốn vùng lương tối thiểu.

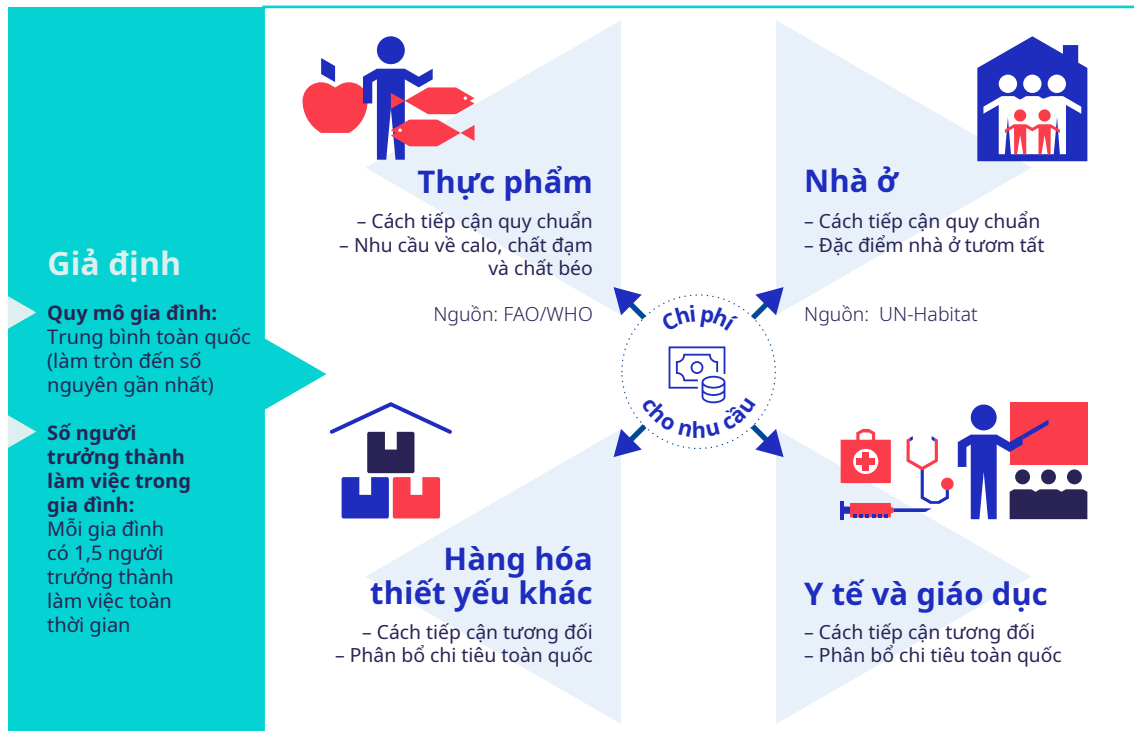
Các biện pháp tương đối phản ánh suy nghĩ rằng định nghĩa “nhu cầu cơ bản” sẽ phát triển khi các xã hội ngày càng thịnh vượng. Theo nghĩa rộng nhất, thoát khỏi đói nghèo có thể được coi là điểm đáp ứng nhu cầu hoạt động của con người trong một xã hội theo cách được xã hội chấp nhận (Ngân hàng Thế giới, 2018). Như Franklin D. Roosevelt đã tuyên bố, mức lương đủ sống phải cao hơn mức sống tối thiểu.¹ Tuy nhiên, khó có thể tạo ra một cách tiếp cận “phù hợp với tất cả”, vì kinh tế xã hội giữa các quốc gia có những khác biệt quan trọng về mặt cơ cấu sản xuất, đặc điểm nhân khẩu học và tỷ lệ đô thị hóa. Các biện pháp tương đối thường được ưa chuộng ở các nền kinh tế phát triển. Các quốc gia nghèo hơn có thể thấy lấy cách tiếp cận quy chuẩn làm điểm khởi đầu hữu ích hơn; trong khi ở các quốc gia giàu hơn - nơi hầu hết mọi người đã đạt được mức tối thiểu tuyệt đối - thì đói nghèo có thể mang nhiều ý nghĩa tương đối hơn.

Phương pháp cơ sở của chúng tôi kết hợp các yếu tố quy chuẩn (đối với thực phẩm và nhà ở) với các yếu tố tương đối. Điều này cũng phù hợp với triết lý của Công ước 131, trong đó nêu bật sự kết hợp các yếu tố cần xem xét liên quan đến nhu cầu của người lao động và gia đình họ, bao gồm không chỉ chi phí sinh hoạt mà còn cả mức sống tương đối của các nhóm xã hội khác. Do đó, việc chúng ta áp dụng kết hợp các biện pháp tuyệt đối và tương đối để tạo ra ước tính động về nhu cầu của người lao động và gia đình họ có lẽ là hợp lý hơn cả.

1 “Với tôi, không một doanh nghiệp nào tồn tại dựa vào việc trả cho người lao động của mình một mức lương thấp hơn mức lương đủ sống nên có quyền tiếp tục hoạt động ở đất nước này. Khi nói đến ‘doanh nghiệp’, tôi muốn nói đến toàn bộ ngành thương mại cũng như toàn bộ ngành công nghiệp; khi nói đến người lao động, tôi muốn nói đến tất cả công nhân, tầng lớp lao động trí óc cũng như thợ thuyền; và khi nói đến mức lương đủ sống, tôi muốn nói đến thứ cao hơn mức sống tối thiểu - có nghĩa là mức lương đủ để người ta có thể sống đàng hoàng”. (Roosevelt 1933)

Hình 1 và 2 minh họa khung khái niệm của phương pháp luận. Hình 1 cho thấy phương pháp này được xây dựng xoay quanh bốn khía cạnh nêu trên về nhu cầu của người lao động và gia đình họ. Bước đầu tiên là ước tính riêng chi phí cho thực phẩm, nhà ở tương tất, y tế và giáo dục, cũng như các nhu cầu thiết yếu khác cho một người (hoặc tương đương một người trưởng thành). Tiếp theo, các chi phí ước tính riêng biệt này được tổng hợp lại để ước tính tổng nhu cầu của một người (hoặc tương đương một người trưởng thành). Để chuyển những nhu cầu cá nhân này thành nhu cầu của người lao động và gia đình họ, cần có một giả định liên quan đến việc lựa chọn quy mô gia đình tham chiếu (và số người trưởng thành tương ứng). Trong phương pháp cơ bản này, chúng tôi đề xuất sử dụng quy mô gia đình trung bình được làm tròn ở quốc gia hoặc khu vực được xem xét, để phản ánh quy mô gia đình theo thực tế. Tuy nhiên, như sẽ thảo luận trong phần sau, việc chọn quy mô gia đình nào có thể tùy thuộc vào quyết định của cơ quan ba bên muốn áp dụng mức lương đủ sống trong bối cảnh cụ thể của họ; qua đó, có thể đưa ra các ước tính khác nhau dựa trên các kịch bản quy mô gia đình khác nhau. Như vậy, giả định về quy mô gia đình là một trong những yếu tố điều chỉnh được của phương pháp luận.

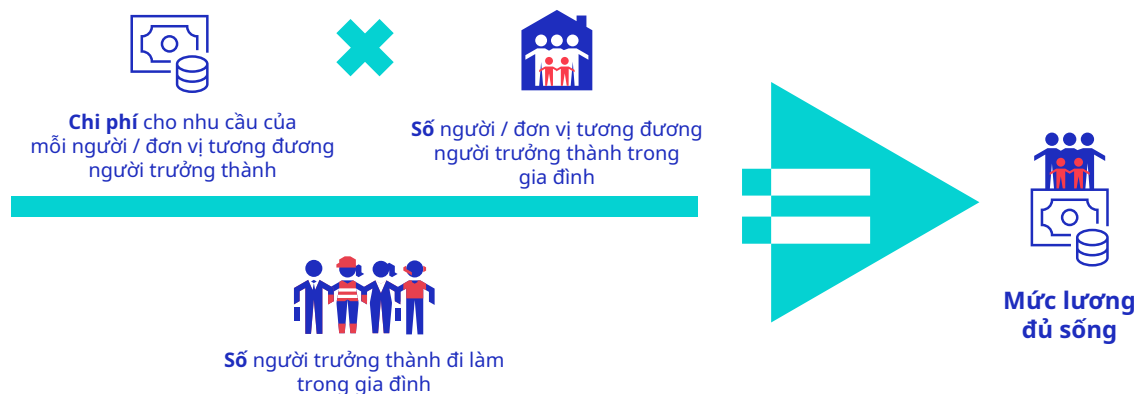
► Hình 1. Khung khái niệm của phương pháp cơ sở



Khi sử dụng số liệu ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ nhằm tăng cường năng lực của chính phủ và các đối tác xã hội trong đàm phán và ấn định mức lương phù hợp, cần chuyển tổng nhu cầu của một gia đình thành mức lương đủ để trang trải cho họ – hay còn gọi là mức lương đủ sống. Tuy nhiên, bước này đòi hỏi phải đưa ra một giả định khác về số người trưởng thành đang làm việc toàn thời gian trong gia đình. Nếu hai khoản tiền lương đủ để trang trải tổng nhu cầu của một gia đình thì số tiền lương này phải bằng một nửa tổng chi phí để đáp ứng các nhu cầu. Còn nếu một khoản tiền lương đủ để trang trải tổng nhu cầu của một gia đình thì mức lương này phải bằng tổng nhu cầu. Do đó, Hình 2 cho thấy, để chuyển tổng nhu cầu của người lao động và gia đình họ thành mức lương đủ sống, cần phải chia tổng nhu cầu cho số người trưởng thành trong gia đình có đi làm. Trong phương pháp cơ sở này, chúng tôi đề xuất sử dụng số người trưởng thành đi làm toàn thời gian được quy định theo tiêu chuẩn và bằng 1,5 người trưởng thành đi làm toàn thời gian đối với bất kỳ gia đình nào có trên một người. Giả định này sẽ được thảo luận sâu hơn trong phần thứ ba của chương này.

- Phương pháp ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình nhằm thiết lập mức lương, bao gồm lương đủ sống

► **Hình 2. Ước tính mức lương đủ sống**



Quy mô gia đình tham chiếu và đơn vị tương đương người trưởng thành

Như Hình 2 cho thấy, chi phí sinh hoạt ước tính cho một thành viên trong gia đình được nhân với quy mô gia đình tham chiếu. Quy mô và thành phần gia đình là yếu tố quan trọng cần cân nhắc khi ước tính mức lương đủ sống. Có nên sử dụng quy mô hộ gia đình trung bình theo số liệu thống kê quốc gia hay không? Hay chúng ta nên sử dụng quy mô hộ gia đình ở các tầng thấp hơn của thị trường lao động? Hoặc có hộ gia đình tham chiếu nào khác không? Điều này rất quan trọng vì mức lương để trang trải cho một gia đình năm người rõ ràng sẽ cao hơn mức lương để trang trải cho một gia đình ba người.

Trong phương pháp cơ sở hiện tại, chúng tôi sử dụng quy mô gia đình trung bình trên toàn quốc làm tròn lên số nguyên gần nhất. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các hộ nghèo hơn thường có xu hướng đông người hơn, từ đó có thể dẫn đến nhu cầu lớn hơn. Điểm cốt lõi ở đây là, việc quyết định áp dụng quy mô gia đình nào sẽ tùy thuộc vào quyết định của cơ quan ba bên muốn áp dụng mức lương đủ sống dựa trên bối cảnh cụ thể. Do đó trong các nghiên cứu được tiến hành tại các quốc gia nằm trong dự án này, bên cạnh quy mô gia đình tham chiếu đã được chọn dựa trên mức trung bình toàn quốc, chúng tôi cũng đưa ra ước tính dựa trên các kịch bản quy mô gia đình khác nhau. Việc sử dụng nhiều quy mô gia đình khác nhau sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho việc ấn định mức lương tối thiểu. Trong bối cảnh cụ thể, có thể sẽ cần phải bàn luận thêm về quy mô gia đình tham chiếu phù hợp nhất để sử dụng trong tính toán.

Một khía cạnh khác là việc sử dụng thang đo tương đương người trưởng thành. Thang đo này được sử dụng để tính đến thực tế là lợi ích kinh tế theo quy mô có thể phát sinh từ những người sống cùng nhau (ví dụ: một gia đình bốn người cũng chỉ cần dùng một chiếc tủ lạnh), cũng như thực tế là nhu cầu của trẻ em có thể ít hơn người trưởng thành. Ở đây chúng tôi sử dụng hai loại thang đo tương đương:

- **Các thang đo tương đương cho thực phẩm và nhu cầu Kcal.** Như sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong phần ước tính chi phí thực phẩm, các khuyến nghị về lượng Kcal của FAO và WHO được sử dụng ở đây để chuyển đổi tất cả nhu cầu Kcal của hộ gia đình thành nhu cầu năng lượng tương đương với “năng lượng tiêu thụ tương đương người trưởng thành” (AEEI) là nam giới. Ví dụ, nếu một nam giới trưởng thành ở độ tuổi 30–60 cần 2.950 Kcal mỗi ngày, trong khi một phụ nữ cùng độ tuổi cần 2.400 Kcal mỗi ngày thì nhu cầu Kcal của phụ nữ tương ứng với 0,81 AEEI (2.400/2.950) và tổng lượng Kcal cần thiết cho gia đình đó sẽ là 5.350 Kcal mỗi ngày hoặc 1,81 AEEI (5.350/2.950).

► **Các thang đo tương đương cho tổng tiêu dùng của hộ gia đình.**² Các thang đo như vậy được sử dụng trong nghiên cứu này – bên cạnh những thang đo khác – để phân chia và xếp hạng các hộ gia đình của một quốc gia thành các nhóm ngũ phân vị (hoặc thập phân vị) dựa trên tổng chi tiêu hàng tháng tương đương với mỗi người trưởng thành, được tính cho từng hộ gia đình trong cuộc khảo sát. Trong trường hợp này, ta có thể sử dụng thang đo tương đương người trưởng thành ở cấp quốc gia do Văn phòng Thống kê Quốc gia (nếu có) hoặc thang đo tương đương của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (còn được gọi là “thang đo Oxford”),³ thường gán giá trị 1 cho chủ hộ, tỷ lệ 0,7 với mỗi thành viên trưởng thành tiếp theo, và 0,5 với mỗi trẻ em.

Cần lưu ý rằng việc sử dụng thang đo tương đương cho tiêu dùng hộ gia đình vẫn còn là chủ đề gây tranh cãi. Vấn đề chính ở đây là liệu lợi thế kinh tế theo quy mô trong tiêu dùng hộ gia đình có thực sự tồn tại hay không. Cả hai hướng luận điểm trái ngược nhau này đều có thể được chứng minh bằng những dẫn chứng khác nhau. Theo một số nghiên cứu gần đây, mặc dù trẻ em dùng ít thực phẩm hơn nhưng chúng lại tiêu dùng nhiều mặt hàng khác hơn, chẳng hạn như giáo dục, y tế hoặc quần áo. Tất nhiên là do vậy, việc ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ cần được xử lý thận trọng khi sử dụng thang đo tương đương (Ravallion 2015). Vì thế, việc sử dụng các giá trị tương đương khác nhau so với người trưởng thành không phải khi nào cũng tuyệt đối tương thích mà đây là một quyết định mang tính phương pháp luận.

Từ ý nghĩa của việc sử dụng các thang đo tương đương, đặc biệt là cách chúng có thể ảnh hưởng đến mức nhu cầu ước tính của người lao động và gia đình họ, phương pháp của chúng tôi là sử dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau để chuyển đổi nhu cầu của một thành viên trong gia đình thành nhu cầu của cả gia đình. Như được trình bày trong Bảng 1, các ước tính tương đương dành cho người trưởng thành sử dụng thang đo tương đương của OECD và AEEI nêu trên để ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ về các khía cạnh lương thực, nhà ở cũng như các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác, theo đó, lợi thế kinh tế theo quy mô (tỷ lệ chi phí thay đổi theo quy mô) được lấy làm giả định và được chấp nhận rộng rãi. Ngược lại, ước tính bình quân đầu người được sử dụng khi không có bằng chứng về lợi thế kinh tế theo quy mô đối với một loại nhu cầu - ví dụ nhu cầu y tế và giáo dục, vì các thành viên trong gia đình không thể cùng tiếp cận hoặc dùng chung. Đối với những nhu cầu kiểu này, từng thành viên trong gia đình đều cùng phải có quyền tiếp cận thỏa đáng.

Đáng chú ý, thang đo tương đương của OECD đặc biệt quan trọng đối với phương pháp của chúng tôi, vì nó được sử dụng để phân loại các hộ gia đình thành các nhóm ngũ phân vị dựa trên tổng chi tiêu hàng tháng theo đầu đơn vị tương đương người trưởng thành. Việc phân loại như vậy cho phép ta xác định nhóm ngũ phân vị tham chiếu được sử dụng để xác định giỏ hàng hóa tiêu dùng cơ bản nhưng hợp lý với nhóm nhu cầu thực phẩm. Trong nghiên cứu này, cách phân loại này cũng được sử dụng để ước tính tương đối nhu cầu về y tế, giáo dục, cũng như các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác.

► **Bảng 1. Các hệ số dùng để tính quy mô gia đình**

Loại chi phí	Hệ số dùng để tính quy mô gia đình	Ghi chú
Tổng chi phí	Thang đo tương đương người trưởng thành (OECD)	Được sử dụng để phân chia thành các ngũ phân vị
Chi phí thực phẩm	Thang đo AEEI (FAO/WHO)	Giả định có lợi thế quy mô gia đình dựa trên nhu cầu Kcal
Chi phí nhà ở	Thang đo tương đương người trưởng thành (OECD)	Giả định có lợi thế quy mô gia đình
Chi phí y tế và giáo dục	Các biện pháp tính bình quân đầu người	Giả định không có lợi thế quy mô gia đình
Chi phí dành cho các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác	Thang đo tương đương người trưởng thành (OECD)	Giả định có lợi thế quy mô gia đình

2 Điều quan trọng là phải phân biệt các thang đo này, được sử dụng để phân tích tổng chi tiêu hộ gia đình, với thang đo AEEI được đề cập ở trên, chỉ được sử dụng để phân tích lượng Kcal.

3 Xem OECD (không rõ năm xuất bản).

Đối với mỗi quốc gia và khu vực, việc áp dụng thang đo tương đương khác nhau vì thành phần hộ gia đình và đặc điểm nhân khẩu học khác nhau. Khi áp dụng thang đo tương đương nhất định, một hệ số được gán với mỗi thành viên gia đình, sau đó các hệ số được cộng lại với nhau để tạo ra tổng quy mô gia đình theo đơn vị tương đương người trưởng thành. Do đó, số đơn vị tương đương người trưởng thành trung bình sẽ gán với từng quy mô gia đình - tùy thuộc vào thang đo tương đương được sử dụng (OECD hay AEEI). Bảng 2 cho thấy trung bình đơn vị tương đương người trưởng thành ở Việt Nam thay đổi tùy theo thang đo tương đương áp dụng cho quy mô và thành phần hộ gia đình. Bảng 3 trình bày kết quả của Ethiopia lại cho thấy các con số khác. Đối với các hộ gia đình có trên hai người, số đơn vị tương đương người trưởng thành ở Việt Nam cao hơn ở Ethiopia cho cùng quy mô hộ gia đình, có thể là do số người trưởng thành trên mỗi hộ gia đình ở Việt Nam cao hơn ở Ethiopia. Hệ số thang đo tương đương được gán cho trẻ em thấp hơn hệ số được gán cho người trưởng thành.

► **Bảng 2. Số đơn vị tương đương người trưởng thành cho các quy mô hộ gia đình khác nhau, theo dữ liệu từ cuộc khảo sát chi tiêu quốc gia ở Việt Nam, 2018**

Quy mô hộ gia đình	1	2	3	4	5	6	7
AEEI trung bình	0,82	1,70	2,60	3,34	4,01	4,71	5,46
Trung bình đơn vị tương đương người trưởng thành (thang đo OECD)	1,00	1,68	2,29	2,83	3,45	4,07	4,69

Nguồn: Ước tính của ILO dựa trên *Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 2018* (Việt Nam, Tổng cục Thống kê 2018).

► **Bảng 3. Số đơn vị tương đương người trưởng thành cho các quy mô hộ gia đình khác nhau, theo dữ liệu từ cuộc khảo sát chi tiêu quốc gia ở Ethiopia, 2018/19**

Quy mô hộ gia đình	1	2	3	4	5	6	7
AEEI trung bình	0,90	1,74	2,41	3,10	3,86	4,60	5,34
Trung bình đơn vị tương đương người trưởng thành (thang đo OECD)	1,00	1,64	2,20	2,76	3,30	3,83	4,38

Nguồn: Ước tính của ILO dựa trên *Khảo sát Kinh tế xã hội Ethiopia 2018/19* (Ethiopia, CSSA 2019).

Số người trưởng thành làm việc toàn thời gian

Nhằm ước tính mức lương đủ để đảm bảo mức sống thỏa đáng cho người lao động và gia đình họ, cần phải xác định xem trong gia đình có bao nhiêu người nhận lương và/hoặc thu nhập. Ngược lại với quy mô gia đình, số người lao động làm việc toàn thời gian có tác động tỷ lệ nghịch đến mức lương đủ sống. Để xác định mức lương đủ sống, tổng chi phí cho nhu cầu của người lao động và gia đình họ được chia cho số người trưởng thành trong gia đình được giả định là đang làm việc toàn thời gian. Tuy nhiên, đối với quy mô gia đình, số người trưởng thành làm việc toàn thời gian trong gia đình tham chiếu phụ thuộc vào sự lựa chọn về phương pháp luận. Nói một cách khái quát, sự lựa chọn này dựa trên những yếu tố tạo nên thước đo phù hợp nhất về số người trưởng thành làm việc toàn thời gian. Con số này sẽ được sử dụng làm mẫu số trong phép tính. Chúng ta có nên giả định rằng chỉ có một người trưởng thành làm việc toàn thời gian trong gia đình hay không? Hoặc giả định rằng có lẽ có hai người trưởng thành cùng làm việc toàn thời gian? Chúng ta có nên sử dụng số người trưởng thành làm việc toàn thời gian quan sát được trong hộ gia đình hay không? Hoặc thay vào đó, nên đặt cố định số người trưởng thành làm việc toàn thời gian là trong khoảng từ một người đến hai người? Trong phương pháp cơ sở được đưa ra trong tài liệu này, chúng

tôi chọn phương án cuối cùng và đề xuất sử dụng một số cố định người trưởng thành làm việc toàn thời gian, theo mức chuẩn là 1,5 người trưởng thành làm việc toàn thời gian đối với bất kỳ gia đình nào có trên một người.

Phân tích thực nghiệm từ trường hợp của bốn quốc gia thí điểm được đề cập trong báo cáo này cho thấy việc giả định 1,5 người trưởng thành làm việc toàn thời gian cho mỗi gia đình là hợp lý. Để đánh giá tính hợp lý của giả định này, số người trưởng thành làm việc toàn thời gian trung bình trong quy mô gia đình tham chiếu đã được tính toán ở mỗi quốc gia thí điểm. Để phản ánh thực tế rằng các gia đình có thể bị ảnh hưởng bởi chính sách tiền lương, chúng tôi quyết định giới hạn phân tích ở những hộ gia đình có ít nhất một người làm công hưởng lương. Như thể hiện trong Bảng 4, ở các hộ gia đình này, số người trưởng thành làm việc toàn thời gian (bao gồm cả lao động tự doanh và người làm công hưởng lương) khác nhau đáng kể theo quốc gia, từ 1,34 người ở Ethiopia đến 1,95 người ở Việt Nam. Tuy nhiên, mức trung bình của bốn quốc gia là 1,57 - một con số tương đối gần với giả định của chúng tôi là mỗi gia đình có 1,5 người trưởng thành làm việc toàn thời gian.

Đáng chú ý, trong một số trường hợp, những ước tính này phản ánh sự khác biệt về thành phần hộ gia đình. Ví dụ, ở Việt Nam, số người trưởng thành làm việc tương đối cao phản ánh thực tế là trong nhiều hộ gia đình có 4 thành viên, chúng tôi quan sát thấy có nhiều hơn hai người trưởng thành làm việc. Tuy nhiên, với những hộ gia đình có hai người trưởng thành và hai trẻ em, số người trưởng thành làm việc toàn thời gian trung bình là 1,69 - con số này tuy cao hơn nhưng vẫn gần với giả định của chúng tôi là 1,5 người.



► **Bảng 4. Trung bình số người trưởng thành làm việc toàn thời gian trong hộ gia đình có ít nhất một người làm công hưởng lương**

	Trung bình (toàn quốc) số người trưởng thành làm việc toàn thời gian trong hộ gia đình có ít nhất một người làm công hưởng lương	Quy mô hộ gia đình tham chiếu
Ethiopia (2018/19)	1,34	5
Việt Nam (2018)	1,95	4
Indonesia (2018)	1,62	4
Costa Rica (2018)	1,36	3
Trung bình	1,57	–

Lưu ý: Ước tính số người trưởng thành làm việc toàn thời gian bao gồm cả người lao động tự doanh và người làm công hưởng lương. Quy mô hộ gia đình tham chiếu có nghĩa là quy mô gia đình trung bình toàn quốc được làm tròn lên số nguyên gần nhất.

Nguồn: Ước tính của ILO dựa trên *Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 2018* (Việt Nam, Tổng cục Thống kê 2018), *Khảo sát quốc gia về Thu nhập và chi tiêu hộ gia đình Costa Rica 2018* (Costa Rica, INEC 2018), *Khảo sát Kinh tế xã hội Ethiopia 2018/19* (Ethiopia, CSSA 2019) và *Khảo sát Kinh tế xã hội quốc gia Indonesia 2018* (Indonesia, Cục Thống kê Indonesia 2018).

Tóm lại, mặc dù quyết định sử dụng giả định 1,5 người trưởng thành làm việc toàn thời gian cho mỗi gia đình có vẻ chủ quan ở khía cạnh nào đó, nhưng nó cũng mang lại một số lợi ích. Đầu tiên, nó cho phép sử dụng một con số luôn nằm trong khoảng từ một đến hai người trưởng thành đang đi làm – đây có vẻ là một giả định thực tế. Giả định này cũng tương đối phù hợp với kết quả thực nghiệm những gia đình được quan sát ở các quốc gia thí điểm. Cuối cùng, giả định này giúp đơn giản hóa việc tính toán và tránh sự phụ thuộc vào việc ước tính số người trưởng thành đang làm việc toàn thời gian vốn khó đánh giá được thông qua các cuộc khảo sát về thu nhập và chi tiêu trong một số trường hợp. Không giống như các cuộc điều tra lực lượng lao động được thiết kế để nắm bắt thông tin về thị trường lao động, các cuộc điều tra thu nhập và chi tiêu hộ gia đình không được thiết kế chỉ cho mục đích đó; và do đó, việc xác định các chỉ số thị trường lao động với mức độ chắc chắn cao có thể gặp khó khăn. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu quốc gia, ngoài kết quả dựa trên giả thuyết 1,5 người trưởng thành đi làm trong mỗi gia đình, chúng tôi còn sử dụng các giá trị cực trị của giả thiết, là một người trưởng thành đang đi làm hoặc hai người trưởng thành đi làm, để ước tính đầy đủ mức lương đủ sống cần thiết cho tiến trình ấn định mức lương tối thiểu.

Về vấn đề cỡ mẫu

Cho đến nay, chúng tôi xem xét tất cả các hộ gia đình trong một quốc gia cụ thể. Tuy nhiên, một phân nhóm của lực lượng lao động, chẳng hạn như các hộ gia đình có ít nhất một người làm công hưởng lương, cũng có thể được phân tích.

Trong bối cảnh ước tính mức lương đủ sống nhằm cung cấp thông tin cho cơ chế ấn định mức lương tối thiểu, việc xem xét liệu tổng thể mẫu có nên giới hạn ở những hộ gia đình có ít nhất một người làm công hưởng lương hay không có vẻ là cân nhắc hợp lý, vì họ là đối tượng hưởng lợi tiềm năng của chính sách lương tối thiểu. Trong phương pháp cơ sở này, chúng tôi khuyến nghị sử dụng tất cả các hộ gia đình, bất kể họ có bao gồm người làm công hưởng lương hay không. Khuyến nghị này dựa trên một số cân nhắc cả về khái niệm và dựa trên thực tế. Đầu tiên, chúng tôi tin rằng khái niệm về nhu cầu của người lao động và gia đình họ không nên phụ thuộc vào tình trạng việc làm của các thành viên trong gia đình; và như đã đề cập trong Công ước 131, nhu cầu của họ phải phản ánh mức sống của các nhóm xã hội khác. Thứ hai, ở một số nước đang phát triển, người làm công hưởng lương chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng dân số có việc làm. Do đó, việc giới hạn mẫu ở các hộ gia đình có ít nhất một người làm công hưởng lương có thể dẫn đến việc loại trừ phần lớn dân số và dẫn đến sai lệch do mẫu nhỏ. Ví dụ, theo Khảo sát lực lượng lao động quốc gia của Ethiopia năm 2013, người làm công hưởng lương chỉ chiếm 10% tổng số việc làm và 90% số người

có việc làm còn lại là lao động tự doanh, người sử dụng lao động hoặc lao động gia đình không được trả lương. Trong bối cảnh như vậy, việc giới hạn mẫu chỉ ở những hộ gia đình có ít nhất một người làm công hưởng lương sẽ dẫn đến sai lệch, và đối với đại đa số người dân, kết quả sẽ không đại diện cho nhu cầu của người lao động và gia đình họ. Thứ ba, cần cân nhắc thực tế là phương pháp này dựa trên việc sử dụng các cuộc khảo sát về thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình, trong đó - như đã đề cập ở trên, có thể khó xác định được chắc chắn những người làm công hưởng lương.

Liên quan đến tính địa lý khu vực khi xem xét áp dụng, do phương pháp hiện tại hướng đến tăng cường năng lực của chính phủ và các đối tác xã hội trong việc đàm phán và đặt ra mức lương tối thiểu phù hợp, nên đối với các quốc gia mà mức lương tối thiểu được quy định theo vùng địa lý, chúng tôi khuyến nghị phương pháp này nên được áp dụng riêng cho từng vùng. Ở một số quốc gia, chỉ có một mức lương tối thiểu toàn quốc áp dụng cho tất cả người lao động trong nước, nhưng một số các quốc gia khác lại có các mức lương tối thiểu khác nhau cho từng lĩnh vực hoạt động, nghề nghiệp, độ tuổi người lao động hoặc khu vực địa lý. Trong trường hợp của Việt Nam, mức lương tối thiểu được quy định theo bốn vùng địa lý: cao nhất ở vùng I (trong đó có Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), và thấp nhất ở vùng IV. Do đó, ở Việt Nam, chúng tôi đã áp dụng phương pháp này để ước tính mức lương đủ sống cho cả nước nói chung cũng như cho mỗi vùng lương tối thiểu. Điều này cho phép so sánh nhu cầu của người lao động và gia đình họ với các mức lương tối thiểu tương ứng. Trong khi đó, tại Indonesia, không có sàn lương tối thiểu quốc gia nào được thiết lập; mà việc thiết lập mức lương tối thiểu được phân cấp - mức lương tối thiểu có thể được thiết lập theo tỉnh và huyện (ILO 2020). Do đó, mức lương đủ sống được ước tính riêng cho từng tỉnh. Tuy nhiên, do Indonesia có số lượng các vùng, tiểu vùng và địa phương lớn, chúng tôi chỉ xem xét các vùng lớn trong ước tính của mình, qua đó cung cấp thông tin có liên quan ở cấp tỉnh để so sánh với mức lương tối thiểu quốc gia.

Sự phù hợp của phương pháp với các nguyên tắc của ILO về ước tính mức lương đủ sống

Đoạn 8 trong kết luận của Cuộc họp Các chuyên gia về Chính sách tiền lương (bao gồm mức lương đủ sống) mà Hội đồng quản trị ILO đã thông qua vào năm 2024 đưa ra danh sách mười nguyên tắc mà bất kỳ phương pháp tính mức lương đủ sống nào cũng phải tuân thủ. Phần này đánh giá về sự phù hợp của phương pháp hiện tại với các nguyên tắc đó:

1. **Ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ thông qua các phương pháp dựa trên bằng chứng.** Phương pháp hiện tại đặt ra một khuôn khổ chung để đánh giá nhu cầu của người lao động và gia đình họ thông qua cách tiếp cận dựa trên bằng chứng, ước tính riêng chi phí cho thực phẩm đầy đủ, nhà ở, y tế và giáo dục, cũng như cho các nhu cầu thiết yếu khác, dựa trên dữ liệu do các cơ quan thống kê quốc gia thu thập trong nước.
2. **Có tham vấn với các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động về số ước tính mức lương đủ sống và thu hút sự tham gia của các đối tác xã hội trong suốt quá trình ước tính mức lương đủ sống, nhằm đảm bảo quyền tự chủ của quốc gia và/hoặc địa phương.** Tính linh hoạt của phương pháp luận tạo điều kiện cho tham vấn có ý nghĩa ở cấp quốc gia. Ở các quốc gia nơi phương pháp này được triển khai, cả phương pháp luận và kết quả đều được trình bày trước các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động, và thu được những ý kiến và đề xuất từ chính phủ và các đối tác xã hội trong các cuộc họp ba bên.
3. **Tính minh bạch, bao gồm các chi tiết liên quan đến nguồn số liệu và phương pháp xử lý số liệu - phải công khai (phục vụ mục đích giám sát), toàn diện và có thể nhân rộng.** Tài liệu này cung cấp hướng dẫn từng bước chi tiết và minh bạch cho các nhà nghiên cứu để họ có thể ước tính mức lương đủ sống bằng cách sử dụng dữ liệu thu thập được thông qua các cuộc khảo sát thu nhập và chi tiêu, có tính đến bối cảnh đặc thù của mỗi quốc gia.

4. **Độ chắc chắn của dữ liệu về tính đại diện và phương pháp thu thập dữ liệu minh bạch.** Phương pháp này sử dụng dữ liệu có tính xác đáng nhất có sẵn ở cấp quốc gia, vì nó dựa trên các cuộc khảo sát thu nhập và chi tiêu hộ gia đình do các cơ quan thống kê quốc gia thực hiện và công bố. Các cuộc khảo sát này mang tính đại diện cho toàn quốc và về nguyên tắc, cung cấp nguồn dữ liệu đáng tin cậy và thường được công khai.
5. **Tính kịp thời trong công khai các ước tính, dữ liệu và phương pháp luận.** Khi ước tính mức lương đủ sống dựa trên phương pháp luận của ILO, ILO khuyến khích công bố kịp thời tất cả các báo cáo trong đó trình bày kết quả ước tính thu được, cũng như dữ liệu và phương pháp luận được sử dụng. Ví dụ, bốn báo cáo quốc gia mô tả chi tiết việc áp dụng phương pháp luận của ILO tại các quốc gia này đã được công bố và phổ biến vào năm 2021.
6. **Có nêu rõ số ước tính là ước tính gộp hay ước tính thuần, ví dụ ước tính đó có bao gồm các khoản chi như đóng góp an sinh xã hội hay không.** Về nguyên tắc, trong phương pháp luận của ILO, thuế và đóng góp an sinh xã hội được tính vào chi phí của các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác. Do đó, về nguyên tắc, phương pháp này có thể đưa ra ước tính về mức lương đủ sống gộp. Tuy nhiên, các cuộc khảo sát thu nhập và chi tiêu có thể không phản ánh chính xác các khoản chi này. Trong những trường hợp như vậy, thuế và đóng góp an sinh xã hội nên được cộng vào thông qua bước điều chỉnh sau ước tính - như được thảo luận trong Chương 6.
7. **Điều chỉnh thường xuyên để đảm bảo có tính đến những thay đổi về chi phí sinh hoạt và các mô hình tiêu dùng.** Các cuộc khảo sát thu nhập và chi tiêu có xu hướng được các cơ quan thống kê quốc gia tiến hành thường xuyên, tạo cơ hội cập nhật thường xuyên các ước tính về mức lương đủ sống. Tuy nhiên, các cuộc khảo sát này thường không được tiến hành hàng năm. Trong những năm xen kẽ giữa các cuộc khảo sát, chỉ số giá có thể được sử dụng để ước tính những thay đổi về chi phí sinh hoạt - như được thảo luận trong Chương 6.
8. **Kiểm soát chất lượng, bao gồm đánh giá và xác nhận quy trình kỹ thuật có tính hợp lý, cũng như rà soát định kỳ để cải tiến liên tục.** Để đảm bảo kiểm soát chất lượng và rà soát kỹ thuật chặt chẽ, phương pháp này đã nhận được đóng góp chuyên môn của nhiều chuyên gia tiền lương, chuyên gia kỹ thuật và các bên liên quan hoạt động trong lĩnh vực tiền lương đủ sống. Ngoài ra, để đảm bảo cải tiến liên tục, phương pháp này cần được rà soát định kỳ, bao gồm thông qua việc lập các ghi chú kỹ thuật nhằm tìm hiểu thêm và làm rõ các vấn đề cụ thể về phương pháp luận.
9. **Thúc đẩy bình đẳng giới và không phân biệt đối xử.** Phương pháp này giúp ước tính mức lương đủ sống không phân biệt đối xử - vì mức lương đủ sống được ước tính giống nhau cho cả phụ nữ và nam giới - và thúc đẩy bình đẳng giới trong trả thù lao. Tuy nhiên, trong tương lai, cần nhiều nỗ lực hơn nữa để tìm hiểu khía cạnh giới của phương pháp luận này đầy đủ hơn. Đặc biệt, ILO sẽ tìm cách xác định những định kiến giới có thể vô tình xuất hiện trong các phần khác nhau của phương pháp, bao gồm cả trong ước tính nhu cầu (đặc biệt là trong các ước tính liên quan đến công việc chăm sóc) và số người lao động giả định trong mỗi hộ gia đình.
10. **Cần nhắc bối cảnh khu vực hoặc quốc gia, và thực trạng kinh tế - xã hội và văn hóa.** Phương pháp này sử dụng dữ liệu đại diện quốc gia do các cơ quan thống kê quốc gia tạo ra, dữ liệu này phản ánh chính xác sở thích và mô hình tiêu dùng của quốc gia và khu vực. Bằng cách những sử dụng dữ liệu này, phương pháp có thể được áp dụng ở cấp quốc gia hoặc khu vực. Tuy nhiên, mức độ phân tổ phụ thuộc vào số quan sát - số này phải đủ lớn để đưa ra được những ước tính đáng tin cậy.

Thúc đẩy công bằng xã hội, tăng cường việc làm thỏa đáng

Tổ chức Lao động Quốc tế là cơ quan của Liên Hợp Quốc hoạt động vì thế giới việc làm. Chúng tôi tập hợp các chính phủ, NSDLĐ và NLĐ cùng hướng tới tương lai việc làm với cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm thông qua tạo việc làm, quyền lao động, an sinh xã hội và đối thoại xã hội.



Federal Ministry
for Economic Cooperation
and Development



Ministry of Foreign Affairs of the
Netherlands

ilo.org

Tổ chức Lao động Quốc tế
Route des Morillons 4
1211 Geneva 22
Switzerland

